

# Chương 9

## LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP



# 1. LẠM PHÁT (INFLATION)

---

## 1.1 Khái niệm và phân loại.

- **Lạm phát (inflation):** là tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một thời gian nhất định.
- **Tỷ lệ lạm phát :** là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ tăng thêm hay giảm bớt của giá cả ở một thời điểm nào đó so với thời điểm trước.

# Tỷ lệ lạm phát.

---

- ▣ **Tỷ lệ lạm phát:** là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ tăng thêm hay giảm bớt của mức giá chung (chỉ số giá) trong nền kinh tế ở một thời điểm nào đó so với thời điểm trước.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ lạm} \\ \text{phát thời} \\ \text{điểm } t \text{ (\%)} \end{array} = \frac{\text{Chỉ số giá thời điểm } t - \text{chỉ số giá thời điểm } (t-1)}{\text{chỉ số giá thời điểm } (t-1)} \times 100\%$$

# Chỉ số giá.

---

- ▣ **Chỉ số giá (price index):** là chỉ tiêu phản ánh tốc độ thay đổi giá ở một thời điểm nào đó so với thời điểm được chọn làm gốc.

Chỉ số giá =  $\sum (\text{tỷ lệ tăng giá sản phẩm } i) * (\text{tỷ trọng sản phẩm } i)$

# Chỉ số giá.

---

## + Chỉ số giá tiêu dùng: CPI (consumer price index).

CPI: là chỉ số phản ánh tốc độ thay đổi giá trung bình của các mặt hàng tiêu dùng chính trong nền kinh tế, đó là: lương thực, thực phẩm, quần áo, nhà ở, chất đốt, vận tải, y tế...

CPI được tính theo giá bán lẻ. Trọng số là tỷ trọng chi tiêu của hộ gia đình về sản phẩm so với tổng chi tiêu, được lấy ở năm làm gốc.

# Chỉ số giá.

---

CPI được tính như sau:

$$\text{CPI} = \frac{\sum P_i^t \times Q_i^0}{\sum P_i^0 \times Q_i^0}$$

Trong đó :

$Q_i^0$  : là lượng hàng hoá i ở năm làm gốc.

$P_i^0$  : giá của hàng hoá i ở năm làm gốc.

$P_i^t$  : giá hàng hoá i ở năm t.

# Chỉ số giá.

---

## + *Chỉ số giá sản xuất: PPI (Producer Price Index)*

PPI: là chỉ số phản ánh tốc độ thay đổi giá trung bình của các sản phẩm thuộc ba nhóm ngành chính: lương thực thực phẩm, các sản phẩm thuộc ngành chế tạo và khai khoáng.

PPI: được tính theo giá bán lần đầu (giá bán buôn) và trọng số là doanh số của từng loại sản phẩm trong tổng doanh số các loại sản phẩm được dùng để tính.

Cách tính PPI: tương tự CPI.

$$\text{PPI} = \frac{\sum P_i^t \times Q_i^0}{\sum P_i^0 \times Q_i^0}$$

# Chỉ số giá.

---

- + **Chỉ số điều chỉnh GDP ( GDP deflator):** còn gọi là chỉ số giảm phát GDP hay chỉ số giá toàn bộ (overall price index).
  - $GDP_{def}$  : là chỉ số phản ánh sự thay đổi mức giá trung bình của tất cả các hàng hoá và dịch vụ được tính trong GDP.
  - $GDP_{def}$  : được dùng để điều chỉnh GDP danh nghĩa và GDP thực.

$$GDP_{def} = \frac{GDP_n}{GDP_r} = \frac{\sum P_i^t \times Q_i^t}{\sum P_i^0 \times Q_i^t}$$

$$GDP_r = \frac{GDP_n}{GDP_{def}}$$



# Phân loại lạm phát.

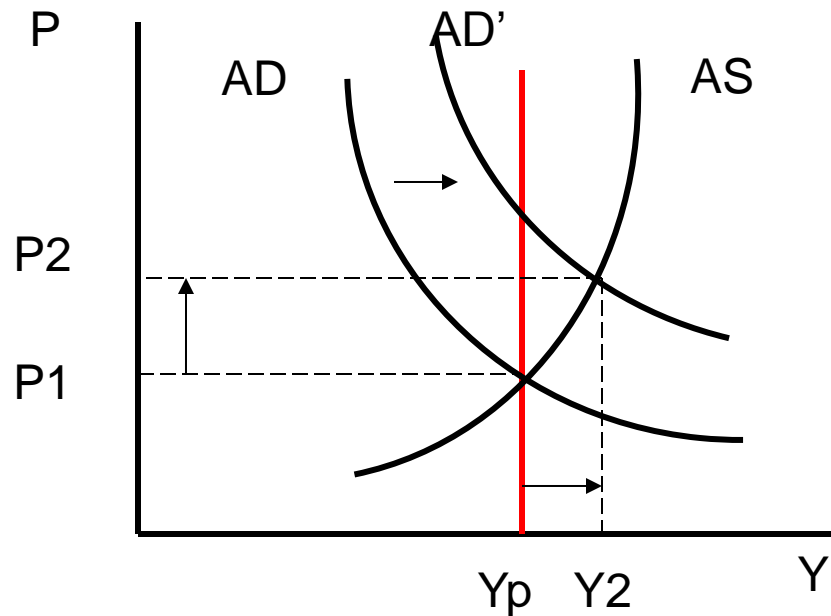
---

## □ Các loại lạm phát:

- **Lạm phát vừa phải (moderate inflation):** mức lạm phát ở một con số, tỷ lệ lạm phát dưới 10% năm.
- **Lạm phát phi mã (galloping inflation):** là loại lạm phát hai hay ba con số.
- **Siêu lạm phát (hyper inflation):** là loại lạm phát từ bốn con số trở lên.

## 1.2 Nguyên nhân lạm phát

- **Lạm phát do cầu kéo (demand - pull inflation):**  
xảy ra khi tổng cầu tăng vượt quá khả năng sản xuất của nền kinh tế - mức sản lượng tiềm năng.

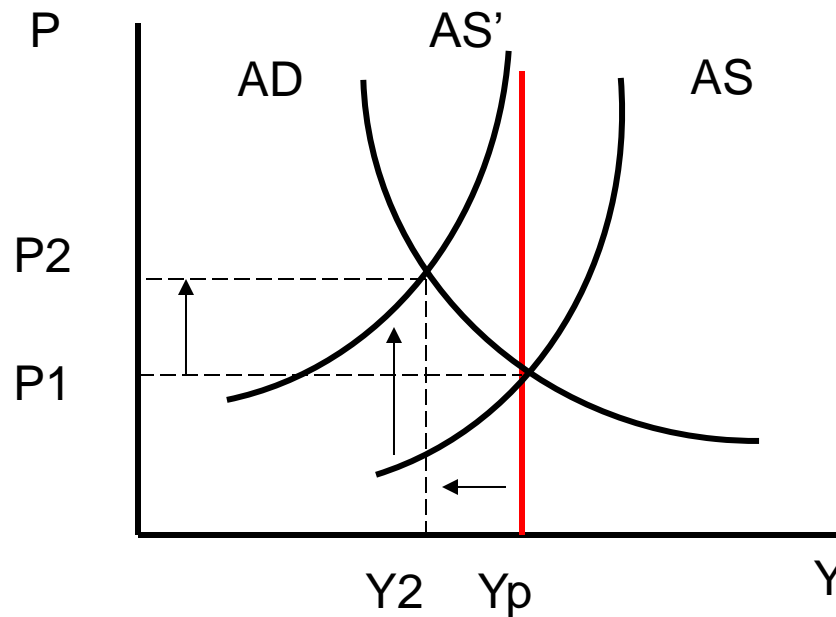


Điều gì làm cho tổng cầu tăng lên?

Bản chất của lạm phát do cầu kéo là gì?

## 1.2 Nguyên nhân lạm phát

- ❑ Lạm phát do chi phí đẩy (cost – push inflation): tình trạng lạm phát xảy ra do chi phí sản xuất tăng lên hoặc năng lực sản xuất sụt giảm.



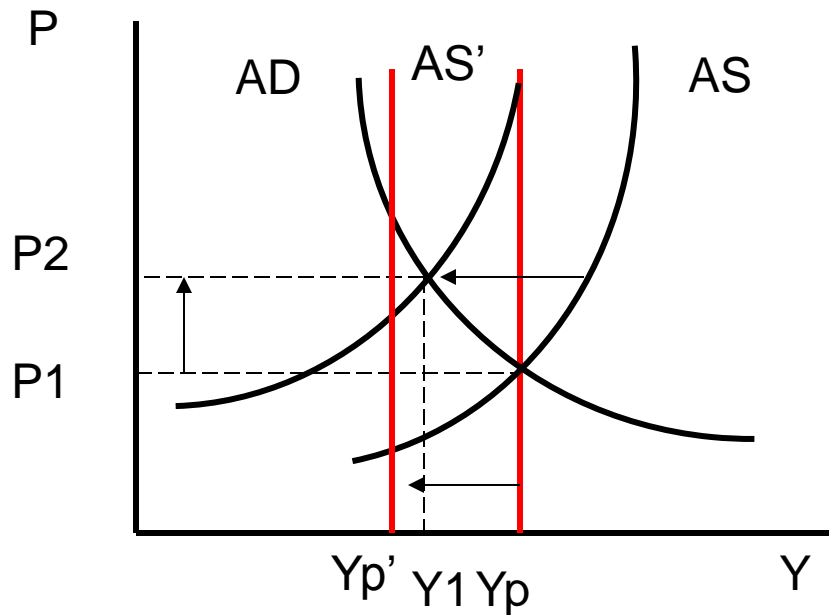
Điều gì làm chi phí sản xuất tăng lên? Khi đó tổng cung sẽ như thế nào?

## 1.2 Nguyên nhân lạm phát

### ❑ Lạm phát do chi phí đẩy (cost – push inflation).

Điều gì làm năng lực sản xuất sụt giảm?

Khi đó tổng cung sẽ như thế nào?



## 1.3 Tác động của lạm phát

---

- ❑ Tác động đối với sản lượng và việc làm.
- ❑ Tác động đối với phân phối lại thu nhập.
  - + Đối với người vay và người cho vay.
  - + Giữa người hưởng lương và người trả lương.
  - + Giữa chính phủ và dân chúng.
- ❑ Đối với cơ cấu kinh tế và hiệu quả kinh tế.

## 1.4 Các giải pháp đối với lạm phát.

---

### □ Để xử lý, đối phó với lạm phát:

- Một là, thi hành những chính sách cứng rắn để kiềm chế lạm phát.
- Hai là, thay đổi luật lệ và các thể chế để làm cho lạm phát khó xuất hiện.
- Ba là, học cách sống chung với lạm phát.

## 2. THẤT NGHIỆP

---

### 2.1 Thất nghiệp và các loại thất nghiệp.

- ▣ **Thất nghiệp:** là những người trong độ tuổi lao động qui định, có khả năng lao động và đang tìm việc nhưng chưa có việc làm.

**Tỷ lệ thất nghiệp:** tỷ lệ phần trăm lực lượng lao động bị thất nghiệp.

$$\text{Tỷ lệ thất nghiệp (\%)} = \frac{\text{Số người thất nghiệp}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100\%$$

## 2. THẤT NGHIỆP

---

### 2.1 Thất nghiệp và các loại thất nghiệp.

#### ▣ Các loại thất nghiệp:

- Phân loại theo nguyên nhân gây ra thất nghiệp
  - + Thất nghiệp cơ học (frictional unemployment).
  - + Thất nghiệp cơ cấu (structural unemployment).
  - + Thất nghiệp chu kỳ (cyclical unemployment).

Thất nghiệp tự nhiên (natural unemployment)

$$U_n = U_f + U_s$$



## 2. THẤT NGHIỆP

---

Khi có sự khác nhau giữa  $Y_t$  và  $Y_p$  sẽ ảnh hưởng đến tỷ lệ thất nghiệp thực tế như thế nào?

❑ **Quy luật Okun:**

**Diễn đạt của P. A. Samuelson:** *Khi sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng tiềm năng 2% thì tỷ lệ thất nghiệp tăng thêm 1%.*

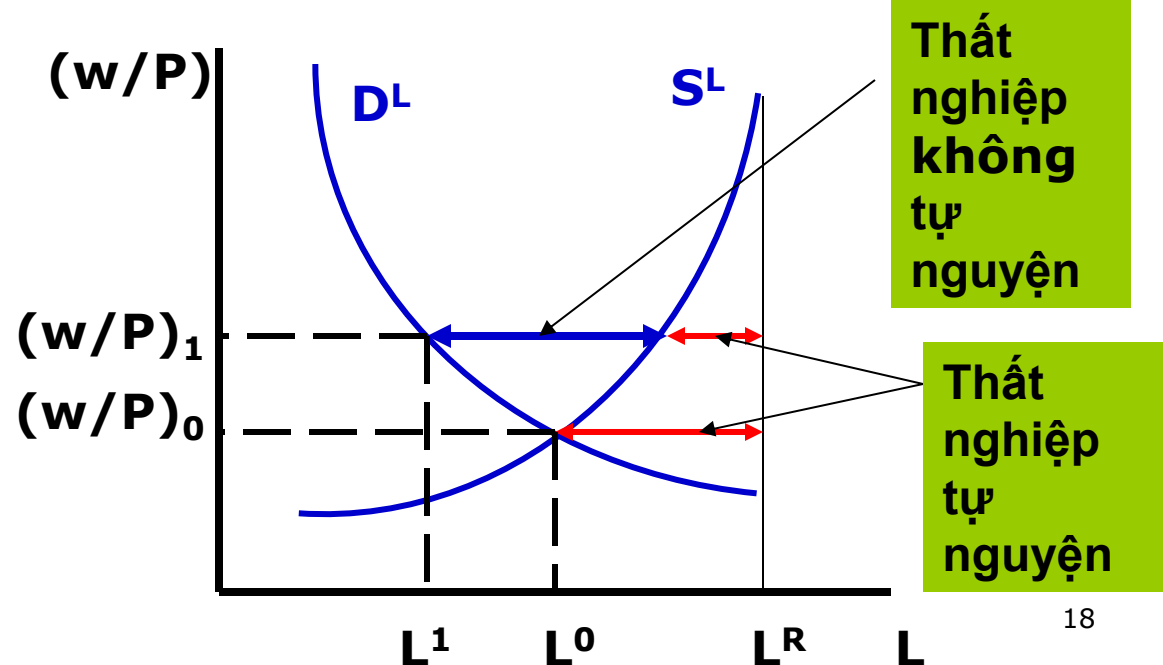
$$U_t = U_n + [(Y_p - Y_t)/Y_p] \cdot 50\%$$

Trong đó:  $U_t$  là tỷ lệ thất nghiệp thực tế  
 $U_n$  là tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên

## 2.1 Thất nghiệp và các loại thất nghiệp.

### ▣ Các loại thất nghiệp:

- Phân loại theo cung và cầu lao động.
  - + Thất nghiệp tự nguyện (voluntary unemployment)
  - + Thất nghiệp không tự nguyện (involuntary unemployment)



## 2.2 Tác động của thất nghiệp

---

- ❑ Tác động kinh tế.
- ❑ Tác động xã hội.
  - + Đối với cá nhân và gia đình người thất nghiệp.
  - + Đối với xã hội.

## 2.3 Các biện pháp giảm tỷ lệ thất nghiệp

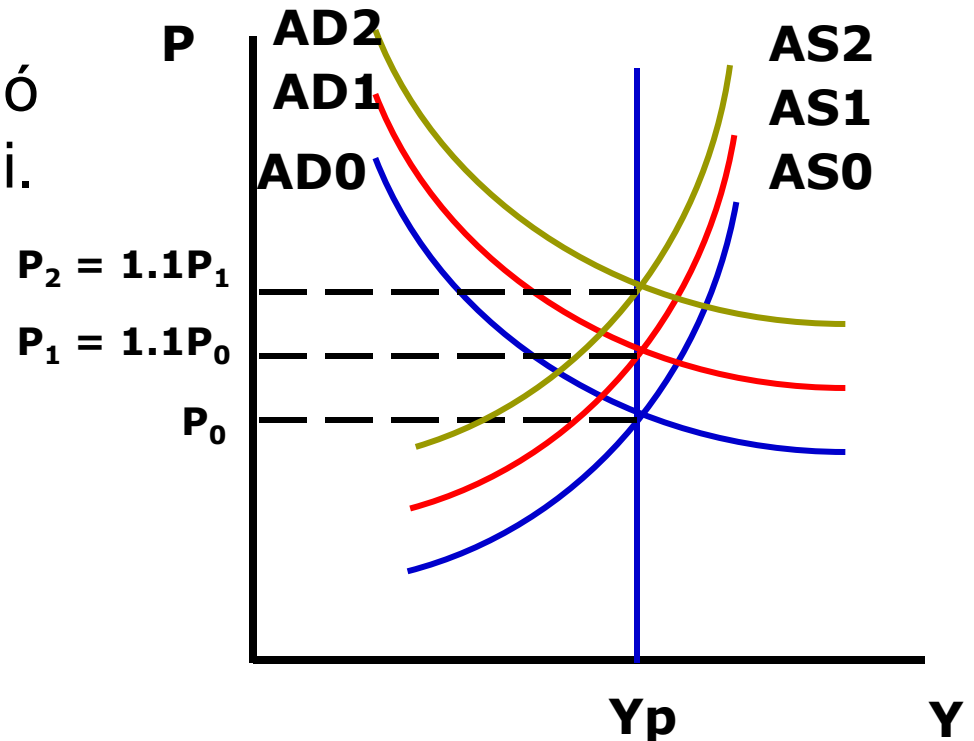
---

- ❑ Đối với thất nghiệp chu kỳ.
- ❑ Đối với thất nghiệp tự nhiên.
  - + Cải thiện dịch vụ thị trường lao động.
  - + Tăng cường sự hoạt động của các cơ sở đào tạo.
  - + Tạo thuận lợi cho việc di chuyển địa điểm cư trú.
  - + Tạo việc làm cho người khuyết tật.
  - + Cải tạo nông nghiệp, tăng cường đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn.

# 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP

## 3.1 Lạm phát quán tính

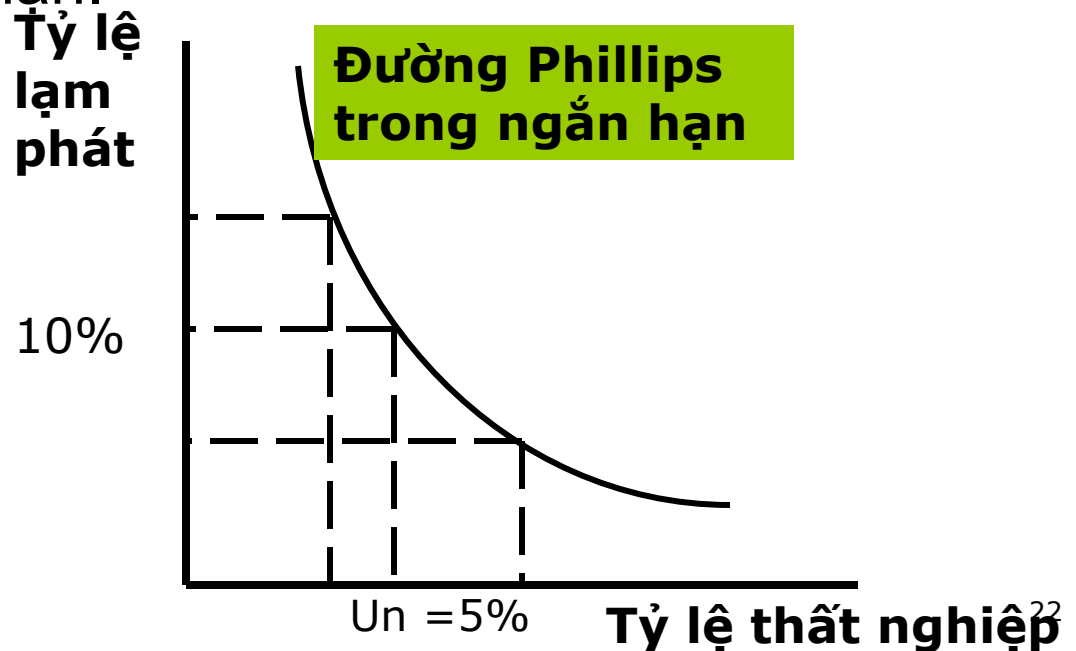
Hay còn lạm phát dự kiến, là tỷ lệ lạm phát hiện tại mà mọi người dự kiến nó sẽ xảy ra trong tương lai.



## 3.2 Đường Phillips

### □ Đường Phillips trong ngắn hạn:

Là đường cong, mô tả sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn.



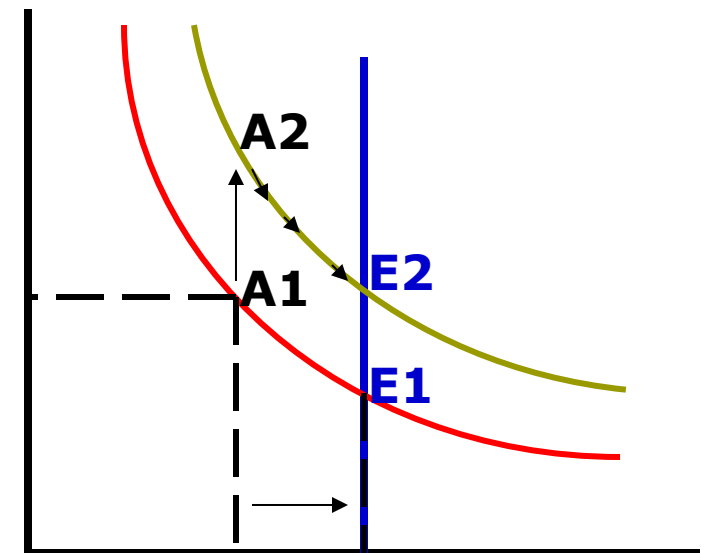
## 3.2 Đường Phillips

- **Đường Phillips trong dài hạn:** trong dài hạn, tiền lương được điều chỉnh, thất nghiệp có khuynh hướng hội tụ về mức mức thất nghiệp tự nhiên, trong khi đó lạm phát có thể ở các mức khác nhau.

Chính vì vậy, **đường Phillips trong dài hạn là đường thẳng đứng tại mức thất nghiệp tự nhiên.**

Tỷ lệ  
lạm  
phát

Đường  
Phillips  
dài hạn



$U_n$  Tỷ lệ thất  
nghiệp

# Tình huống

---

1. Các tình huống sau đây có ảnh hưởng gì đến việc tính toán CPI:
  - a. Apple cho ra đời điện thoại Iphone 5.
  - b. Dân chúng mua nhiều Iphone hơn do thu nhập tăng
  - c. Nhà mạng cung cấp nhiều dịch vụ gia tăng cho khách hàng nhưng giá cước không đổi
  - d. Người tiêu dùng sử dụng Skype và Viber nhiều hơn.



# Bài tập

Bài 1: Giả sử một quốc gia chỉ sản xuất 3 sản phẩm cuối cùng A, B, C và có các số liệu ở bảng sau:

Năm	Dịch vụ A		Thực phẩm B		Khí đốt C	
	$Q_A$	$P_A$	$Q_B$	$P_B$	$Q_C$	$P_C$
Năm 1	50	20	100	10	10	30
Năm 2	50	21	110	15	15	30
Năm 3	55	22	120	15	20	32

- Tính GDP danh nghĩa các năm trên.
- Biết năm 1 được chọn làm gốc. Tính GDP thực các năm trên.
- Tính tỷ lệ lạm phát các năm 2 và 3 theo chỉ số  $GDP_{def}$  và theo chỉ số CPI.